UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VĨNH THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7032/QĐ-UBND	*Vĩnh Thông, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Cầu Ký Đẫu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĨNH THÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ: về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trì xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 19/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-SXD ngày 09/07/2026 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi và bảng giá ca máy trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Thông về Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoàn năm 2026-2030 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Thông về Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND phường Vĩnh Thông về việc phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, công trình cầu Dày Heo, cầu Sóc Suông, cầu Ký Đẩu, cầu Kênh Sáu từ nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông;

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND phường Vĩnh Thông về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và kinh phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình Cầu Ký Đẩu;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng số 81/KQTT/2026 ngày 28/9/2026 của Công ty TNHH Bình Kiên Thành;

Căn cứ văn bản 323/KTHTĐT-XDCB ngày 14/10/2026 về việc thông báo Kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Cầu Ký Đẩu;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông tại Văn bản số 284/BQL-XDCB ngày 29/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Cầu Ký Đẩu với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cầu Ký Đẩu.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình dự án chính theo thiết kế: Dự án nhóm C; giao thông đường bộ, cấp 4; theo hồ sơ thiết kế công trình chính.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang.

4. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thông.

5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát địa hình, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phát An Giang, mã số doanh nghiệp 1702351829.

7. Mục tiêu dự án: Phục vụ giao thông trong khu vực, góp phần tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô công suất, khả năng phục vụ: Quy mô 01 nhịp, chiều dài nhịp 24,54 m; độ dốc dọc cầu 0%; tải trọng xe HL-93, tải trọng người đi bộ 300 kg/m², cao độ đáy dầm nhịp giữa +4,00 m (tổng chiều dài đường và cầu 98,90m). Bảo đảm phục vụ nhu cầu đi lại, giao thương của người dân và lưu thông của phương tiện giao thông qua khu vực; bảo đảm kết nối giao thông giữa hai đầu cầu, đáp ứng yêu cầu khai thác.

8.2. Các chỉ tiêu, thông số chính của công trình và các hạng mục công trình

a) Phần cầu: Cầu gồm 01 nhịp dài 24,54 m; độ dốc dọc cầu 0%; cao độ đáy dầm nhịp giữa +4,00 m. Bề rộng toàn cầu 8,30 m, gồm phần xe chạy rộng 7,50 m và gờ lan can hai bên, mỗi bên rộng 0,40 m; độ dốc ngang mặt cầu 2%. Kết cấu nhịp gồm 05 dầm chủ chữ I bằng bê tông cốt thép dự ứng lực đúc sẵn, chiều dài 24,54 m, khoảng cách giữa các dầm 1,75 m; bố trí 04 dầm ngang trong một nhịp. Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép đá 1×2, mác 300, dày 18 cm, đổ tại chỗ; phía trên bố trí lớp phòng nước và lớp bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 dày 5 cm. Lan can thép mạ kẽm nhúng nóng chế tạo sẵn tại nhà máy, lắp đặt trên gờ lan can bê tông cốt thép mác 300. Bố trí hệ thống thu, thoát nước dọc mép cầu và khe co giãn dạng răng lược theo thiết kế.

b) Mố và móng cầu: Mố cầu dạng chữ U, móng sử dụng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép đá 1×2, mác 300, đường kính D600, chiều dài 26,00 m, mỗi mố bố trí 06 cọc. Sau mố bố trí bản quá độ bằng bê tông cốt thép mác 300, kích thước 7,40 × 5,00 × 0,40 m.

c) Đường dẫn vào cầu: Đường dẫn vào mố A dài 37,500 m; mố B dài 36,80 m. Kết cấu mặt đường gồm lớp bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 dày 5 cm; lớp nhựa pha dầu thấm bám định lượng 1,0 kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18 cm, K ≥ 0,98, E ≥ 122 MPa; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 20 cm, K ≥ 0,98, E ≥ 77 MPa; lớp vải địa kỹ thuật có cường độ chịu kéo F = 12 kN và nền đường đào, đắp đất đạt K ≥ 0,95, E ≥ 30 MPa. Mô đun đàn hồi yêu cầu của kết cấu mặt đường Ech ≥ 149 MPa.

d) Tường chắn đất: Bố trí tường chắn đất hai bên tại hai mố cầu, mỗi đoạn dài 20,00 m. Kết cấu gồm thân tường bằng bê tông xi măng đá 1×2, mác 300, chiều dày từ 30 cm đến 50 cm; móng tường rộng 2,50 m, dày 30 cm, bằng bê tông xi măng đá 1×2, mác 300; lớp bê tông lót đá 4×6, mác 150, dày 10 cm. Bố trí cọc bê tông cốt thép tiết diện 0,25 × 0,25 m, dài 5,90 m, khoảng cách 1,50 m/cọc, đóng so le theo thiết kế.

e) Kè chống sạt lở: Bố trí kè tại khu vực trước mố A dài 45,90 m, trước mố B dài 25,70 m; cao độ đỉnh kè thiết kế +1,90 m. Kết cấu kè dạng cọc bê tông cốt thép kết hợp tấm đan chắn đất. Cọc kè tiết diện 0,25 × 0,25 m, dài 7,50 m, bê tông mác 300, khoảng cách 1,50 m/cọc. Tấm đan chắn đất kích thước 3,00 × 1,45 × 0,12 m, dầm mũ tiết diện 0,45 × 0,50 m, thanh neo tiết diện 0,25 × 0,30 m, dài 1,80 m và bệ neo kích thước 0,50 × 0,75 × 0,50 m, sử dụng bê tông mác

250. Cọc neo tiết diện 0,25 × 0,25 m, dài 7,50 m, bê tông mác 300; khoảng cách cọc neo, dầm neo và bệ neo là 4,50 m theo thiết kế.

f) Cầu tạm: Tận dụng cầu thép cũ, di dời và lắp đặt tại vị trí phù hợp để phục vụ lưu thông tạm thời cho xe hai bánh và người đi bộ trong thời gian thi công cầu chính, bảo đảm an toàn theo phương án tổ chức giao thông được phê duyệt.

g) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo tải trọng, cọc tiêu và tường hộ lan theo hồ sơ thiết kế; áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và các quy định có liên quan.

h) Tải trọng thiết kế: Tải trọng thiết kế cầu HL-93; tải trọng người đi bộ 300 kg/m². Kết cấu móng mố sử dụng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép; đường dẫn vào cầu sử dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5575:2024 - Thiết kế kết cấu thép;
- TCVN 9394:2012 - Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9395:2012 - Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9844:2013 - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu;
- TCVN 10304:2025 - Thiết kế móng cọc;
- TCVN 11823:2017 - Thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 5574:2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô-Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 37:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm-yêu cầu chỉ dẫn và thiết kế;
- TCVN 13567:2022 Lớp nhựa đường bằng hỗn hợp nhựa nóng-Thi công-nghiệm thu;
- TCVN 2737:2023 Tải trọng & tác động -TCTK;
- QCVN 41:2024/BGTVT về Báo hiệu đường bộ;
- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: **7.535.981.398** đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm chín mười tám đồng)*, trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 6.331.102.423 đồng.
+ Chi phí QLDA: 189.369.473 đồng.
+ Chi phí tư vấn ĐTXD: 589.685.147 đồng.
+ Chi phí khác: 66.452.529 đồng.
+ Chi phí dự phòng: 359.371.826 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông trực tiếp tổ chức quản lý, điều hành thực hiện dự án.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu và pháp luật có liên quan; bảo đảm thực hiện dự án đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ, chất lượng, trong phạm vi kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao và bảo đảm trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường Vĩnh Thông; Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Vĩnh Thông; Giám đốc Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông và (Giám đốc) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND phường;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG VĨNH THÔNG T. AN GIANG

Ngô Việt Trung

UBND PHƯỜNG VĨNH THÔNG
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 323/KTHTĐT-XDCB

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cầu Ký Đẩu

Vĩnh Thông, ngày 14 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thông;
- Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Vĩnh Thông nhận được Văn bản số 284/CV-BQL ngày 07/9/2026 của Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Cầu Ký Đẩu.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ: về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trì xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 về hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1015/2023/QĐ-UBND ngày18/4/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định giá cước vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-SXD ngày 09/7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi và bảng giá ca máy trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Thông về Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Thông về Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND phường Vĩnh Thông về việc phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, công trình cầu Dày Heo, cầu Sóc Suông, cầu Ký Đầu, cầu kênh Sáu từ nguồn vốn sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng số 81/KQTT/BKT ngày 28/9/2026 của Công ty TNHH Bình Kiên Thành;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán do Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phát An Giang lập.

Sau khi xem xét, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

1. Tên dự án: Cầu Ký Đầu

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: nhóm C, công trình giao thông; cấp 4; theo hồ sơ thiết kế công trình chính.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thông.

4. Tên cơ quan chuẩn bị dự án và các thông tin để liên hệ: Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông. Địa chỉ: Tổ 24, đường Nguyễn Văn Huyên, khu phố Phi Thông, phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang.

5. Địa điểm xây dựng dự án: Phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang.

6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng của dự án: **7.535.981.398** đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm ba mươi lăn triệu, chín trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng)*, trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 6.331.102.423 đồng.
+ Chi phí QLDA: 189.369.473 đồng.
+ Chi phí tư vấn ĐTXD: 589.685.147 đồng.
+ Chi phí khác: 66.452.529 đồng.
+ Chi phí dự phòng: 359.371.826 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

10. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5575:2024 - Thiết kế kết cấu thép;
- TCVN 9394:2012 - Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9395:2012 - Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9844:2013 - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu;
- TCVN 10304:2025 - Thiết kế móng cọc;
- TCVN 11823:2017 - Thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 5574:2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô-Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 37:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm-yêu cầu chỉ dẫn và thiết kế;
- TCVN 13567:2022 Lớp nhựa đường bằng hỗn hợp nhựa nóng-Thi công-nghiệm thu;
- TCVN 2737:2023 Tải trọng & tác động -TCTK;
- QCVN 41:2024/BGTVT về Báo hiệu đường bộ;
- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

11. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phát An Giang, mã số doanh nghiệp 1702351829.

12. Nhà thầu khảo sát xây dựng (địa chất): Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại kiểm định Thiên Phát Kiên Giang, mã số doanh nghiệp 1702058193.

13. Nhà thầu thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH Bình Kiên Thành, mã số doanh nghiệp 1702265577.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Thông về Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông (lần 2);

Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Thông về Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông (lần 2);

Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND phường Vĩnh Thông về việc phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, công trình cầu Dày Heo, cầu Sóc Suông, cầu Ký Đẩu, cầu kênh Sáu từ nguồn vốn sách địa phương trên địa bàn phường Vĩnh Thông;

Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND phường Vĩnh Thông về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và kinh phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình Cầu Ký Đẩu.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra:

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cầu Ký Đẩu do Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phát An Giang lập.

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng số 81/KQTT/BKT ngày 28/9/2026 của Công ty TNHH Bình Kiên Thành.

3. Hồ sơ pháp lý của các nhà thầu tư vấn và hồ sơ của các cá nhân tham gia thực hiện dự án.

3.1. Hồ sơ pháp lý:

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phát An Giang, mã số doanh nghiệp 1702351829.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng (địa chất): Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại kiểm định Thiên Phát Kiên Giang, mã số doanh nghiệp 1702058193.

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH 369 Hoà Bình, mã số doanh nghiệp 1701913867.

3.2 Hồ sơ năng lực:

- Chủ trì lập báo cáo KTKT: ông Nguyễn Ngọc Hùng, chứng chỉ KS DGXD hạng II, số KIG-00106108.

- Chủ trì khảo sát địa chất: KS. Nguyễn Hữu Chí, số CC: ANG-00209033.

- Chủ trì thẩm tra: ông Nguyễn Hùng Lĩnh, chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông Cầu-Hầm, đường bộ số KIG-00041448 và chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng số ANG-00041448.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Quy mô công suất và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

Quy mô 01 nhịp, chiều dài nhịp 24,54 m; độ dốc dọc cầu 0%; tải trọng xe HL-93, tải trọng người đi bộ 300 kg/m², cao độ đáy dầm nhịp giữa +4,0 m (Tổng chiều dài đường và cầu 98,9m).

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Phần cầu: Cầu gồm 01 nhịp dài 24,540 m; độ dốc dọc cầu 0%; cao độ đáy dầm nhịp giữa +4,00 m. Bề rộng toàn cầu 8,30 m, gồm phần xe chạy rộng 7,50 m và gờ lan can hai bên, mỗi bên rộng 0,40 m; độ dốc ngang mặt cầu 2%. Kết cấu nhịp gồm 05 dầm chủ chữ I bằng bê tông cốt thép dự ứng lực đúc sẵn, chiều dài 18,60 m, khoảng cách giữa các dầm 1,75 m; bố trí 04 dầm ngang trong một nhịp. Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép đá 1×2, mác 300, dày 18 cm, đổ tại chỗ; phía trên bố trí lớp phòng nước và lớp bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 dày 5 cm. Lan can thép mạ kẽm nhúng nóng chế tạo sẵn tại nhà máy, lắp đặt trên gờ lan can bê tông cốt thép mác 300. Bố trí hệ thống thu, thoát nước dọc mép cầu và khe co giãn dạng răng lược theo thiết kế.

b) Mố và móng cầu: Mố cầu dạng chữ U, móng sử dụng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép đá 1×2, mác 300, đường kính D600, chiều dài 26,00 m, mỗi mố bố trí 06 cọc. Sau mố bố trí bản quá độ bằng bê tông cốt thép mác 300, kích thước 7,40 × 5,00 × 0,40 m.

c) Đường dẫn vào cầu: Đường dẫn vào mố A dài 37,50 m; mố B dài 36,80 m. Kết cấu mặt đường gồm lớp bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 dày 5 cm; lớp nhựa pha dầu thấm bám định lượng 1,0 kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18 cm, $K \geq 0,98$, $E \geq 122$ MPa; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 20 cm, $K \geq 0,98$, $E \geq 77$ MPa; lớp vải địa kỹ thuật có cường độ chịu kéo F = 12 kN và nền đường đào, đắp đất đạt $K \geq 0,95$, $E \geq 30$ MPa. Mô đun đàn hồi yêu cầu của kết cấu mặt đường $E_{ch} \geq 149$ MPa.

d) Tường chắn đất: Bố trí tường chắn đất hai bên tại hai mố cầu, mỗi đoạn dài 20,00 m. Kết cấu gồm thân tường bằng bê tông xi măng đá 1×2, mác 300, chiều dày từ 30 cm đến 50 cm; móng tường rộng 2,50 m, dày 30 cm, bằng bê tông xi măng đá 1×2, mác 300; lớp bê tông lót đá 4×6, mác 150, dày 10 cm. Bố trí cọc bê tông cốt thép tiết diện 0,25 × 0,25 m, dài 5,90 m, khoảng cách 1,50 m/cọc, đóng so le theo thiết kế.

e) Kè chống sạt lở: Bố trí kè tại khu vực trước mố A dài 45,90 m, trước mố B dài 25,70 m; cao độ đỉnh kè thiết kế +1,90 m. Kết cấu kè dạng cọc bê tông cốt thép kết hợp tấm đan chắn đất. Cọc kè tiết diện 0,25 × 0,25 m, dài 7,50 m, bê tông mác 300, khoảng cách 1,50 m/cọc. Tấm đan chắn đất kích thước 3,00 × 1,45 × 0,12 m, dầm mũ tiết diện 0,45 × 0,50 m, thanh neo tiết diện 0,25 × 0,30 m, dài 1,80 m và bệ neo kích thước 0,50 × 0,75 × 0,50 m, sử dụng bê tông mác 250. Cọc neo tiết diện 0,25 × 0,25 m, dài 7,50 m, bê tông mác 300; khoảng cách cọc neo, dầm neo và bệ neo là 4,50 m theo thiết kế.

f) Cầu tạm: Tận dụng cầu thép cũ, di dời và lắp đặt tại vị trí phù hợp để phục vụ lưu thông tạm thời cho xe hai bánh và người đi bộ trong thời gian thi công cầu chính, bảo đảm an toàn theo phương án tổ chức giao thông được phê duyệt.

g) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo tải trọng, cọc tiêu và tường hộ lan theo hồ sơ thiết kế; áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và các quy định có liên quan.

3. Tải trọng thiết kế: Tải trọng thiết kế cầu HL-93; tải trọng người đi bộ 300 kg/m². Kết cấu móng mố sử dụng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép; đường dẫn vào cầu sử dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự phù hợp của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật với chủ trương đầu tư: Phù hợp.

2. Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án; xác định tổng mức đầu tư : Phù hợp.

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế: Phù hợp.

4. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công; điều kiện năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia dự án: Đảm bảo theo quy định.

5. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP: Phù hợp.

6. Khả năng kết nối kết nối với hạ tầng khu vực (nếu có): Có khả năng kết nối.

7. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và việc áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Tuân thủ theo quy định.

8. Sự đáp ứng yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lận cận; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (nếu có): Đáp ứng yêu cầu theo quy định.

9. Sự phù hợp của thiết kế công nghệ với các yêu cầu của dự án: Dự án không có yêu cầu về thiết kế công nghệ.

10. Về thực hiện thủ tục về môi trường theo pháp luật về bảo về môi trường: Thực hiện theo quy định.

11. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án phường Vĩnh Thông trực tiếp quản lý dự án.

12. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư: không có.

IV. KẾT LUẬN

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình cầu Ký Đầu đủ điều kiện trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

- Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư về tính đầy đủ, chính xác, hợp lý của hồ sơ; sự phù hợp của quy mô, giải pháp thiết kế, dự toán; an toàn chịu lực công trình; tính pháp lý hồ sơ năng lực; chủng loại, chất lượng vật liệu, thiết bị; và việc xác định đơn giá, chi phí theo quy định. Trong quá trình thi công, tư vấn giám sát có trách nhiệm phát hiện, báo cáo và kịp thời đề xuất với Chủ đầu tư biện pháp xử lý các sai khác giữa hồ sơ thiết kế và thực tế theo quy định.

- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: Bổ sung số liệu diện tích đất, vật kiến trúc, cột điện,...nếu bị ảnh hưởng cần di dời.

Trên đây là Thông báo của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Cầu Ký Đậu. Đề nghị Ban quản lý dự án phường nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, ltlong.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
P. VĨNH THÔNG - T. KHÁNH HÒA

Trương Vũ Ca



TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CẦU KÝ ĐẦU

Loại công trình:	**Công trình giao thông**
Loại thiết kế:	**Thiết kế 1 bước**
Cấp công trình:	**Cấp IV**
Cách thẩm định:	
Thuế VAT:	**8%**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Định mức %	Hệ số	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
1	**Chi phí xây dựng**				**5.867.234.421**	**463.868.002**	**6.331.102.423**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng			Theo bảng tổng hợp kinh phí XD	5.798.350.023	463.868.002	6.262.218.025	Cpxd
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công			Theo bảng tổng hợp kinh phí XD	68.884.398		68.884.398	Ltnt
2	**Chi phí thiết bị**			**Theo bảng tổng hợp chi phí thiết bị**				**Gtb**
3	**Chi phí quản lý dự án**	**3,024%**		**(Cpxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**175.342.105**	**14.027.368**	**189.369.473**	**Gqlda**
4	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**546.004.766**	**43.680.381**	**589.685.147**	**Gtv**
4,1	Chi phí khảo sát địa hình				10.720.727	857.658	11.578.385	Gks
4,2	Chi phí khảo sát địa chất				122.499.501	9.799.960	132.299.461	Glnvks
4,9.a	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.4 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3,180%		(Cpxd+Gtb) x trước thuế x tỷ lệ	184.387.531	14.751.002	199.138.533	Gbcktkt_a
4,17	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,170%		Cpxd x trước thuế x tỷ lệ	9.857.195	788.576	10.645.771	Gtttkkt
4,19	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.20 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,166%		Cpxd x trước thuế x tỷ lệ	9.625.261	770.021	10.395.282	Gttdt
4,24	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,200%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	11.596.700	927.736	12.524.436	Glhsmt
4,25	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,100%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	5.798.350	463.868	6.262.218	Gtdhsmt
4,28	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,100%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	5.798.350	463.868	6.262.218	Gtdkqnt
4,30	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3,203%		Cpxd x trước thuế x tỷ lệ	185.721.151	14.857.692	200.578.843	Ggstcxd
5	**Chi phí khác**				**66.452.529**		**66.452.529**	**Gk**
5,1	Chi phí di dời đường ống cấp nước				30.000.000		30.000.000	Gbommin
5,4	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.490.357		1.490.357	Gthamdinh
5,5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,468%		(Tổng mức đầu tư - Dự phòng) x tỷ lệ	34.962.172		34.962.172	Gthamtra
6	**Chi phí dự phòng**			**Gdp1 + Gdp2**	**332.751.691**	**26.620.135**	**359.371.826**	**Gdp**
6,1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5,000%		(Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) x trước thuế x tỷ lệ	332.751.691	26.620.135	359.371.826	Gdp1
	TỔNG CỘNG			**Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp**	**6.987.785.512**	**548.195.886**	**7.535.981.398**	**Gtmdt1**
Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi mốt ngàn ba trăm chín mươi tám đồng ./.								

Cán bộ thẩm định

Lý Tiểu Long

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH: CẦU KÝ ĐẦU
HẠNG MỤC: XÂY DỰNG MỚI

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	**Vật liệu**	**VL**	**A1**	**3.613.644.054**
	- Đơn giá vật liệu	A1	Theo bảng tổng hợp vật liệu	3.613.644.054
2	**Nhân công**	**NC**	**hsnc**	**946.203.058**
	- Đơn giá nhân công	B1	Theo bảng tổng hợp nhân công	946.203.058
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsnc	B1	946.203.058
3	**Máy thi công**	**M**	**hsm**	**495.736.558**
	- Đơn giá máy	C1	Theo bảng tổng hợp máy	495.736.558
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsm	C1	495.736.558
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	VL + NC + M	5.055.583.670
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	313.446.188
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2,0%	101.111.673
	TỔNG CHI PHÍ GIÁN TIẾP	GT	C + TT	414.557.861
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T + GT) x 6,0%	328.208.492
	Chi phí xây dựng trước thuế	**G**	**T + GT + TL**	**5.798.350.023**
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	463.868.002
	Chi phí xây dựng sau thuế	**Gxd_VAT**	**G + GTGT**	6.262.218.025
V	CHI PHÍ NHÀ TẠM ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI CÔNG	LT	G x 1,1% x (1+8%)	68.884.398
	Tổng dự toán chi phí xây dựng	**Gxd**	**LT + Gxd_VAT**	**6.331.102.423**
Bằng chữ: Sáu tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng chẵn./.				